

Họ, tên thí sinh:.....

Số báo danh:

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Cho $\frac{\pi}{2} < \alpha < \pi$. Giá trị lượng giác nào sau đây luôn dương?

- A. $\cos(-\alpha)$. B. $\cot \alpha$. C. $\tan(\pi + \alpha)$. D. $\sin \alpha$.

Câu 2. Rút gọn biểu thức $M = \frac{\sin 3x - \sin x}{\cos 3x + \cos x}$.

- A. $\tan x$. B. $\tan 2x$ C. $\sin x$. D. $2\sin x$.

Câu 3. Tập xác định của hàm số $y = \frac{1 + \cos x}{\sin 2x}$ là

- A. $D = \mathbb{R} \setminus \left\{ \frac{k\pi}{2}, k \in \mathbb{Z} \right\}$. B. $D = \mathbb{R} \setminus \left\{ k\pi; \frac{\pi}{2} + h2\pi, k, h \in \mathbb{Z} \right\}$.

- C. $D = \mathbb{R}$. D. $D = \mathbb{R} \setminus \left\{ \frac{\pi}{3} + k\pi, k \in \mathbb{Z} \right\}$.

Câu 4. Cho hình chóp $S.ABCD$ có đáy $ABCD$ là hình bình hành. Gọi I, J, E, F lần lượt là trung điểm SA, SB, SC, SD . Trong các đường thẳng sau, đường thẳng nào không song song với IJ ?

- A. DC . B. AB . C. AD . D. EF .

Câu 5. Cho bốn điểm A, B, C, D không đồng phẳng. Gọi M, N lần lượt là trung điểm của AC và BC . Trên đoạn BD lấy điểm P sao cho $BP = 2PD$. Giao điểm của đường thẳng CD và mặt phẳng (MNP) là giao điểm của

- A. CD và NP . B. CD và MP . C. CD và AP . D. CD và MN .

Câu 6. Nghiệm của phương trình $\tan x = 1$ là:

- A. $x = k\pi$. B. $x = -\frac{\pi}{2} + k2\pi$. C. $x = \frac{\pi}{4} + k\pi$. D. $x = \frac{\pi}{2} + k\pi$.

Câu 7. Cho $\sin x + \cos x = \frac{\sqrt{2}}{2}$. Tính $\sin 2x$?

A. $\sin 2x = \frac{\sqrt{2}}{2}$

B. $\sin 2x = -\frac{\sqrt{2}}{2}$

C. $\sin 2x = -\frac{1}{2}$

D. $\sin 2x = \frac{1}{2}$

Câu 8. Cho hai đường thẳng phân biệt a và b trong không gian. Có bao nhiêu vị trí tương đối giữa a và b .

A. 2.

B. 3.

C. 4.

D. 1.

Câu 9. Khẳng định nào đúng trong các khẳng định sau?

A. $\sin^2 x + \cos x^2 = 1$

B. $\sin 2x = 2 \sin x \cos x$

C. $\sin^2 x = \frac{1 + \cos 2x}{2}$.

D. $\cos^2 x = \frac{1 - \cos 2x}{2}$.

Câu 10. Cho $\tan a = 7; \left(\pi < a < \frac{3\pi}{2} \right)$. Khi đó giá trị của $\cos a$ là :

A. $\frac{1}{2\sqrt{2}}$

B. $\frac{1}{5\sqrt{2}}$

C. $-\frac{1}{2\sqrt{2}}$

D. $-\frac{1}{5\sqrt{2}}$

Câu 11. Cho hình chóp $S.ABCD$ có đáy $ABCD$ là hình bình hành. Gọi d là giao tuyến của hai mặt phẳng (SAD) và (SBC) . Khẳng định nào sau đây đúng?

A. d qua S và song song với DC .

B. d qua S và song song với AB .

C. d qua S và song song với BC .

D. d qua S và song song với BD .

Câu 12. Phương trình $\cos x = -\frac{\sqrt{3}}{2}$ có tập nghiệm là

A. $\left\{ x = \pm \frac{\pi}{3} + k\pi; k \in \mathbb{Z} \right\}$.

B. $\left\{ x = \pm \frac{\pi}{6} + k\pi; k \in \mathbb{Z} \right\}$.

C. $\left\{ x = \pm \frac{5\pi}{6} + k2\pi; k \in \mathbb{Z} \right\}$.

D. $\left\{ x = \pm \frac{\pi}{3} + k2\pi; k \in \mathbb{Z} \right\}$.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho $\cos a = \frac{1}{3}; \left(-\frac{\pi}{2} < a < 0 \right)$. Xét tính đúng sai của các mệnh đề sau:

a) $\cos 2a = 1 - 2\cos^2 a$

b) $\cos 2a = -\frac{7}{9}$

c) $\sin 2a = -\frac{4\sqrt{2}}{9}$

d) $\sin\left(2a + \frac{\pi}{6}\right) \cdot \sin\left(2a - \frac{\pi}{6}\right) = \frac{-47}{324}$

Câu 2. Cho hàm số lượng giác $f(x) = 2 \cot x$ và $g(x) = \cos 2x$. Xét tính đúng sai của các mệnh đề sau:

- a) Hàm số $f(x)$ và $g(x)$ là hàm tuần hoàn có chu kì $T = \pi$
- b) Tập xác định của hàm số $g(x)$ là $D = \mathbb{R}$
- c) Hàm số $g(x)$ có đồ thị đối xứng qua trục Oy
- d) Hàm số $f(x)$ có tập xác định $D = \mathbb{R}$

Câu 3: Cho phương trình lượng giác $\sin x = -\frac{1}{2}$. Xét tính đúng sai của các khẳng định sau:

- a) Phương trình đã cho tương đương $\sin x = \sin\left(\frac{\pi}{6}\right)$.
- b) Phương trình đã cho có nghiệm là: $x = -\frac{\pi}{6} + k2\pi; x = \frac{7\pi}{6} + k2\pi (k \in \mathbb{Z})$.
- c) Phương trình đã cho có nghiệm âm lớn nhất bằng $-\frac{\pi}{3}$.
- d) Phương trình đã cho có ba nghiệm trong khoảng $(-\pi; \pi)$.

Câu 4: Cho hình chóp $S.ABCD$ có đáy là hình thang $ABCD$, đáy lớn AB , đáy nhỏ CD . Xét tính đúng sai của các khẳng định sau:

- a) Hình chóp $S.ABCD$ có 5 mặt bên.
- b) Giao tuyến của hai mặt phẳng (SAC) và (SBD) là đường thẳng SO (O là giao điểm của AC và BD).
- c) Giao tuyến của hai mặt phẳng (SAD) và (SBC) là đường thẳng SI (I là giao điểm của AD và BC).
- d) Giao tuyến của hai mặt phẳng (SAB) và (SCD) là đường thẳng đi qua S và song song với AB .

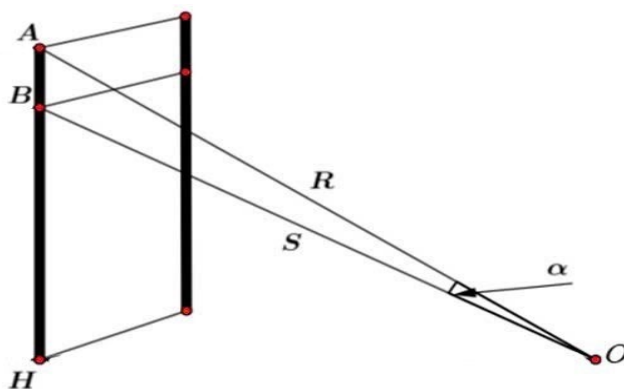
PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn

Câu 1. Cho $\cot x = 2$. Giá trị của biểu thức $M = \frac{2 \sin x - \cos x}{\sin x + 4 \cos x}$ là bao nhiêu?

Câu 2. Số giờ có ánh sáng mặt trời của một thành phố A trong ngày thứ t của năm 2017 được cho bởi một hàm số $y = 4 \sin\left[\frac{\pi}{178}(t - 60)\right] + 10$ với $t \in \mathbb{Z}$ và $0 < t \leq 365$. Vào ngày thứ bao nhiêu của năm thì thành phố A có nhiều giờ có ánh sáng mặt trời nhất?

Câu 3. Hỏi trên đoạn $[0; 2018\pi]$, phương trình $\sqrt{3} \tan(2x + \frac{\pi}{6}) + 3 = 0$ có bao nhiêu nghiệm?

Câu 4. Một sợi cáp R được gắn vào một cột thẳng đứng ở vị trí A cách mặt đất 24 m. Một sợi cáp S khác cũng được gắn vào cột đó ở vị trí B cách mặt đất 20 m. Biết rằng hai sợi cáp trên cùng được gắn với mặt đất tại một vị trí H cách chân cột O là 15 m (Hình vẽ)



Tính $\tan \alpha$ (làm tròn đến hàng phần trăm), ở đó α là góc giữa hai sợi cáp trên ?

Câu 5. Cho hình chóp $S.MNPQ$ có đáy là hình bình hành. Gọi I, J, K lần lượt là các điểm trên các đoạn SM, SQ, SP sao cho $SM = 6SI, 2SQ = 3SJ, SP = 3SK$. Mặt phẳng (IJK) cắt đoạn SN tại điểm E với $SN = xSE$. Khi đó x có giá trị bằng bao nhiêu (quy tròn đến hàng phần chục)?

Câu 6. Tính số cạnh của một hình chóp có đáy là ngũ giác ?

.....**HẾT**.....

Họ, tên thí sinh:.....

Số báo danh:

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1: Cho $\sin x + \cos x = \frac{\sqrt{3}}{2}$. Tính $\sin 2x$?

- A. $\sin 2x = \frac{1}{4}$ B. $\sin 2x = -\frac{1}{4}$ C. $\sin 2x = -\frac{\sqrt{3}}{4}$ D. $\sin 2x = \frac{\sqrt{3}}{4}$

Câu 2: Cho hình chóp $S.ABCD$ có đáy $ABCD$ là hình bình hành. Tìm giao tuyến của hai mặt phẳng (SAB) và (SCD)

- A. là đường thẳng đi qua S song song với AB, CD.
B. là đường thẳng đi qua S.
C. là mặt phẳng (SAD).
D. là điểm S.

Câu 3: Cho $\cot a = 5; \left(\pi < a < \frac{3\pi}{2} \right)$. Khi đó giá trị của $\sin a$ là :

- A. $-\frac{\sqrt{6}}{6}$ B. $\frac{\sqrt{6}}{6}$ C. $\frac{\sqrt{26}}{26}$ D. $-\frac{\sqrt{26}}{26}$

Câu 4: Phương trình $\cos x = -\frac{\sqrt{2}}{2}$ có tập nghiệm là

- A. $\left\{ x = \pm \frac{\pi}{3} + k2\pi; k \in \mathbb{Z} \right\}$. B. $\left\{ x = \pm \frac{3\pi}{4} + k2\pi; k \in \mathbb{Z} \right\}$.
C. $\left\{ x = \pm \frac{\pi}{3} + k\pi; k \in \mathbb{Z} \right\}$. D. $\left\{ x = \pm \frac{\pi}{4} + k\pi; k \in \mathbb{Z} \right\}$.

Câu 5: Khẳng định nào đúng trong các khẳng định sau?

- A. $\cos 2\alpha = \sin^2 \alpha - \cos^2 \alpha$. B. $\cos 2\alpha = 1 - 2\cos^2 \alpha$.
C. $\cos 2\alpha = 1 - 2\sin^2 \alpha$. D. $\cos^2 2\alpha + \sin 2\alpha = 1$

Câu 6: Rút gọn biểu thức $A = \frac{\cos 5\alpha - \cos \alpha}{\sin 5\alpha + \sin \alpha}$.

- A. $-\tan 3\alpha$. B. $\cot 4\alpha$. C. $-\tan 2\alpha$. D. $\frac{2}{3}\tan \alpha$.

Câu 7: Cho hình chóp $S.ABCD$ đáy là hình bình hành. Gọi A', B', C', D' lần lượt là trung điểm của các cạnh SA, SB, SC và SD . Trong các đường thẳng sau đây, đường thẳng nào không song song với $A'B'$?

- A. $C'D'$. B. CD . C. BC . D. AB .

Câu 8: Nghiệm của phương trình $\tan x = -1$ là:

- A. $x = k\pi$. B. $x = -\frac{\pi}{4} + k\pi$. C. $x = -\frac{\pi}{2} + k\pi$. D. $x = \frac{3\pi}{2} + k\pi$.

Câu 9: Cho bốn điểm A, B, C, D không cùng nằm trong một mặt phẳng. Trên AB, AD lần lượt lấy các điểm M và N sao cho MN cắt BD tại I . Điểm I không thuộc mặt phẳng nào sau đây?

- A. (ABD) . B. (CMN) . C. (ACD) D. (BCD)

Câu 10: Cho $\pi < \alpha < \frac{3\pi}{2}$. Giá trị lượng giác nào sau đây luôn dương?

- A. $\cot\left(\frac{\pi}{2} - \alpha\right)$. B. $\tan(\pi - \alpha)$. C. $\sin \alpha$. D. $\cos(-\alpha)$.

Câu 11: Tìm tập xác định của hàm số $y = \frac{3 \sin x}{\cos 2x - 1}$.

- A. $D = \mathbb{R} \setminus \{k\pi, k \in \mathbb{Z}\}$. B. $D = \mathbb{R} \setminus \left\{\frac{\pi}{4} + k\pi, k \in \mathbb{Z}\right\}$.
C. $D = \mathbb{R} \setminus \{k2\pi, k \in \mathbb{Z}\}$. D. $D = \mathbb{R} \setminus \left\{\frac{\pi}{2} + k\pi, k \in \mathbb{Z}\right\}$.

Câu 12: Cho hai đường thẳng phân biệt cùng nằm trong một mặt phẳng. Có bao nhiêu vị trí tương đối giữa hai đường thẳng đó?

- A. 1. B. 2. C. 4. D. 3.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho $\sin a = \frac{1}{3}; \left(\frac{\pi}{2} < a < \pi\right)$. Xét tính đúng sai của các mệnh đề sau:

- a) $\cos 2a = 1 - \sin^2 a$
b) $\cos 2a = \frac{7}{9}$
c) $\sin 2a = \frac{4\sqrt{2}}{9}$
d) $\cos\left(2a + \frac{\pi}{3}\right)\cos\left(2a - \frac{\pi}{3}\right) = \frac{-47}{324}$

Câu 2. Cho hàm số lượng giác $f(x) = 2 \tan x$ và $g(x) = \sin 2x$. Xét tính đúng sai của các mệnh đề sau:

- a) Hàm số $f(x)$ và $g(x)$ là hàm tuần hoàn có chu kì $T = \pi$
- b) Tập xác định của hàm số $g(x)$ là $[-1;1]$
- c) Hàm số $g(x)$ có đồ thị đối xứng qua trục Oy
- d) Hàm số $f(x)$ có tập xác định $D = \mathbb{R}$

Câu 3: Cho phương trình lượng giác $\sin x = \frac{1}{\sqrt{2}}$. Xét tính đúng sai của các khẳng định sau:

- a) Phương trình đã cho tương đương $\sin x = \sin \frac{\pi}{4}$.
- b) Phương trình đã cho có nghiệm là: $x = \frac{\pi}{3} + k2\pi; x = \frac{3\pi}{4} + k2\pi (k \in \mathbb{Z})$.
- c) Phương trình đã cho có nghiệm dương nhỏ nhất bằng $\frac{\pi}{4}$.
- d) Phương trình đã cho có hai nghiệm trong khoảng $\left(-\frac{\pi}{2}; \frac{\pi}{2}\right)$.

Câu 4: Cho hình chóp $S.ABCD$ có đáy là hình thang $ABCD$, đáy lớn AD, đáy bé BC. Xét tính đúng sai của các khẳng định sau:

- a) Hình chóp $S.ABCD$ có 4 mặt bên.
- b) Giao tuyến của hai mặt phẳng (SAC) và (SBD) là đường thẳng SO (O là giao điểm của AC và BD).
- c) Giao tuyến của hai mặt phẳng (SAB) và (SDC) là đường thẳng SI (I là giao điểm của AB và DC).
- d) Giao tuyến của hai mặt phẳng (SAD) và (SBC) là đường thẳng đi qua S và song song với AB.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn

Câu 1: Cho $\tan \alpha = \frac{1}{2}$. Giá trị của biểu thức $P = \frac{8 \sin \alpha}{2 \sin \alpha + 3 \cos \alpha}$ là

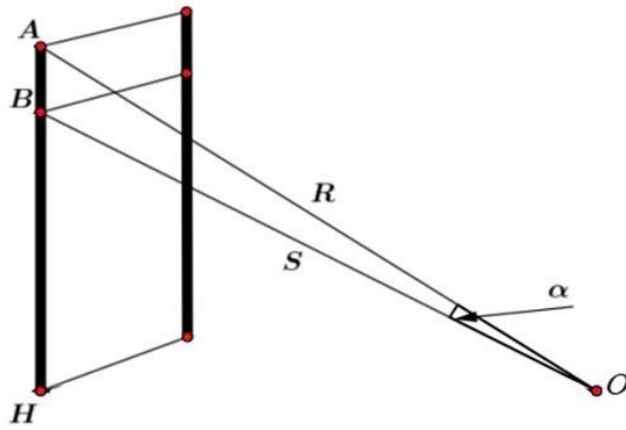
Câu 2. Mực nước lên xuống tại một cảng biển do thủy triều được cho bởi công thức

$$h(t) = 13 + 3 \cos\left(\frac{\pi}{12}t\right) \text{ với } h(t) \text{ (đơn vị m) là chiều cao của mực nước tính theo thời gian } t$$

(đơn vị h) ($0 \leq t \leq 24$). Hỏi tại thời điểm nào trong ngày thì mực nước đạt mức thấp nhất?

Câu 3. Hỏi trên đoạn $[0; 2024\pi]$, phương trình $\sqrt{3} \cot(2x - \frac{\pi}{3}) - 1 = 0$ có bao nhiêu nghiệm?

Câu 4. Một sợi cáp R được gắn vào một cột thẳng đứng ở vị trí A cách mặt đất 30 m. Một sợi cáp S khác cũng được gắn vào cột đó ở vị trí B cách mặt đất 25 m. Biết rằng hai sợi cáp trên cùng được gắn với mặt đất tại một vị trí O cách chân cột H là 15 m (Hình vẽ).



Tính $\tan \alpha$ (làm tròn đến hàng phần trăm), ở đó α là góc giữa hai sợi cáp trên ?

Câu 5. Cho hình chóp $S.MNPQ$ có đáy là hình bình hành. Gọi I, J, K lần lượt là các điểm trên các đoạn SN, SP, SQ sao cho $SN = 4SI, SP = 2SJ, 2SQ = 3SK$. Mặt phẳng (IJK) cắt đoạn SM tại điểm E với $SM = ySE$. Khi đó y có giá trị bằng bao nhiêu (quy tròn đến hàng phần chục)?

Câu 6. Tính số mặt của một hình chóp có đáy là ngũ giác?

.....HẾT.....

ĐÁP ÁN TOÁN 11 MÃ LỄ

Mã 101

I. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Đề/câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
101	D	A	A	C	A	C	C	B	B	D	C	C

II. Trắc nghiệm đúng sai

	Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4
a	S	Đ	S	S
b	Đ	Đ	Đ	Đ
c	Đ	Đ	S	Đ
d	S	S	S	Đ

III. Trả lời ngắn

Câu 1	0
Câu 2	149
Câu 3	4036
Câu 4	0.09
Câu 5	7.5
Câu 6	10

Mã 103

I. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Đề/câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
103	C	C	A	D	B	C	C	C	B	D	B	B

II. Trắc nghiệm đúng sai

	Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4
a	S	S	Đ	S
b	Đ	Đ	Đ	Đ
c	Đ	Đ	Đ	S
d	Đ	S	S	S

III. Trả lời ngắn

Câu 1	0
Câu 2	10
Câu 3	149
Câu 4	4036
Câu 5	0.09
Câu 6	7.5

Mã 105**I. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn**

Đề/câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
105	D	D	D	B	C	D	C	D	B	C	A	C

II.**III. Trắc nghiệm đúng sai**

	Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4
a	S	S	Đ	S
b	Đ	Đ	Đ	Đ
c	Đ	S	Đ	Đ
d	S	S	S	Đ

IV. Trả lời ngắn

Câu 1	0
Câu 2	7.5
Câu 3	4036
Câu 4	10
Câu 5	149
Câu 6	0.09

Mã 107**I. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn**

Đề/câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
107	C	B	B	A	D	A	A	D	A	B	B	B

II. Trắc nghiệm đúng sai

	Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4
a	S	S	S	Đ
b	Đ	Đ	Đ	Đ
c	Đ	Đ	S	Đ
d	S	Đ	S	S

III. Trả lời ngắn

Câu 1	0
Câu 2	4036
Câu 3	149
Câu 4	0.09
Câu 5	10
Câu 6	7.5

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I NĂM HỌC 2024-2025

MÔN: TOÁN, LỚP 11 -THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

STT	Nội dung kiến thức	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	CẤP ĐỘ TƯ DUY								
			DẠNG 1			DẠNG 2			DẠNG 3		
			CÂU HỎI 4 LỰA CHỌN			CÂU HỎI ĐÚNG SAI			TRẢ LỜI NGẮN		
			NHẬN BIẾT	THÔNG HIỂU	VẬN DỤNG	NHẬN BIẾT	THÔNG HIỂU	VẬN DỤNG	NHẬN BIẾT	THÔNG HIỂU	VẬN DỤNG
1	Hàm số lượng giác và phương trình lượng giác	Góc lượng giác				2		1			
		Giá trị lượng giác của một góc lượng giác	2					1			
		Các công thức lượng giác	3						1		
		Hàm số lượng giác và đồ thị	1	1				1			
		Phương trình lượng giác cơ bản	1						1		
3	Đường thẳng và mặt phẳng. Quan hệ song song trong không gian	Điểm, đường thẳng và mặt phẳng trong không gian	1	1		2			1		
		Hai đường thẳng song song	1	1							
TỔNG			9	3		4				3	3
			12			4			6		

BẢNG MÔ TẢ CHI TIẾT ĐỀ TOÁN 11- THI 8 TUẦN HKI

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu 1. Cho góc lượng giác thuộc một góc phần tư cho trước. Tìm dấu của giá trị lượng giác?

Câu 2. Tìm khẳng định đúng liên quan đến các công thức lượng giác?

Câu 3. Tìm TXĐ của hàm số?

Câu 4. Rút gọn biểu thức có dạng phân số (sử dụng công thức biến đổi tổng thành tích).

Câu 5. Tính giá trị lượng giác khi cho trước một hệ thức lượng giác.

Câu 6. Tính giá trị lượng giác khi cho trước một giá trị lượng giác.

Câu 7. Giải phương trình lượng giác cơ bản.

Câu 8. Trường hợp đặc biệt của phương trình lượng giác cơ bản.

Câu 9. Tìm giao điểm của đường và mặt.

Câu 10. Tìm giao tuyến của hai mặt phẳng dựa vào quan hệ song song

Câu 11. Vị trí tương đối giữa hai đường thẳng (câu hỏi lý thuyết)

Câu 12. Nhận biết đường song song đường.

Phần 2: Trắc nghiệm đúng, sai

Câu 1. Cho một giá trị lượng giác

- a. Nhận biết công thức lượng giác.
- b. Tính giá trị lượng giác.
- c. Tính giá trị lượng giác.
- d. Tính giá trị của một biểu thức lượng giác(có sử dụng công thức biến đổi tích thành tổng hoặc công thức cộng).

Câu 2. Cho hai hàm số lượng giác

- a. Chỉ ra chu kỳ tuần hoàn của hai hàm.
- b. Chỉ ra tập xác định của hàm thứ 1.
- c. Chỉ ra tính đối xứng của đồ thị.
- d. Chỉ ra tập xác định của hàm thứ 2.

Câu 3. Cho phương trình lượng giác cơ bản.

- a. Nhận biết phương trình tương đương.
- b. Chỉ ra nghiệm của phương trình ban đầu.

- c. Tìm nghiệm âm lớn nhất hoặc nghiệm dương nhỏ nhất.
- d. Tìm số nghiệm của phương trình trong khoảng cho trước.

Câu 4. Cho hình chóp đáy là hình thang.

- a. Nhận biết số mặt của hình chóp
- b. Tìm giao tuyến của hai mặt phẳng
- c. Tìm giao tuyến của hai mặt phẳng
- d. Tìm giao tuyến của hai mặt phẳng dựa vào quan hệ song song.

Phần 3. Câu trả lời ngắn

Câu 1. Cho một giá trị lượng giác (Không cho góc phần tư). Tính giá trị của biểu thức lượng giác.

Câu 2. (Bài toán thực tế) Cho hàm biểu diễn chiều cao. Chỉ ra thời điểm để có GTLN, GTNN của chiều cao.

Câu 3. Cho phương trình lượng giác cơ bản. Tìm số nghiệm trong một đoạn cho trước.

Câu 4.(Bài toán thực tế) Liên quan đến công thức lượng giác(Bài 9 hoặc 10 SGK trang 21)

Câu 5. Tính tỷ số đoạn thẳng (Khó)

Câu 6. Tính số cạnh(mặt) của hình chóp có đáy cho trước.

Xem thêm: ĐỀ THI GIỮA HK1 TOÁN 11
<https://toanmath.com/de-thi-giua-hk1-toan-11>